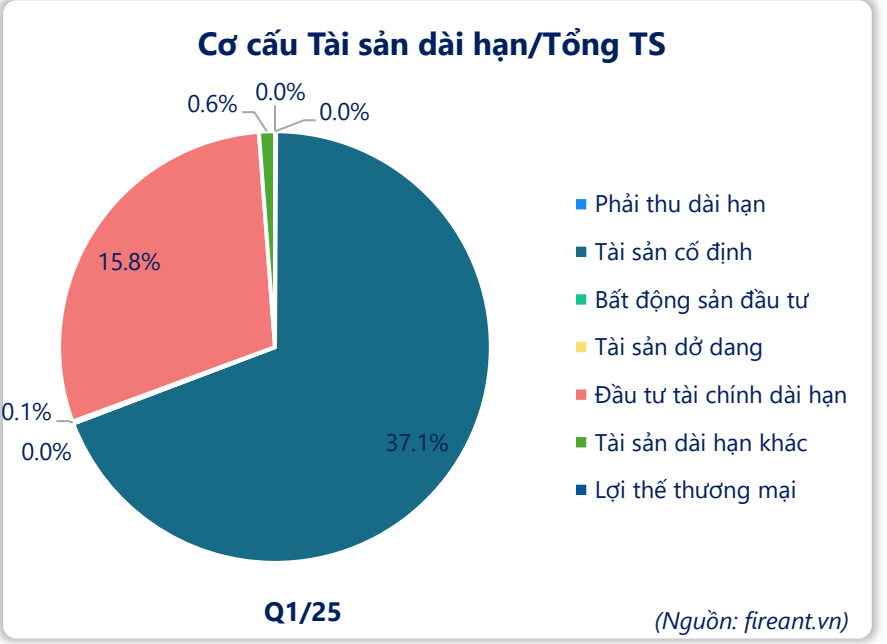
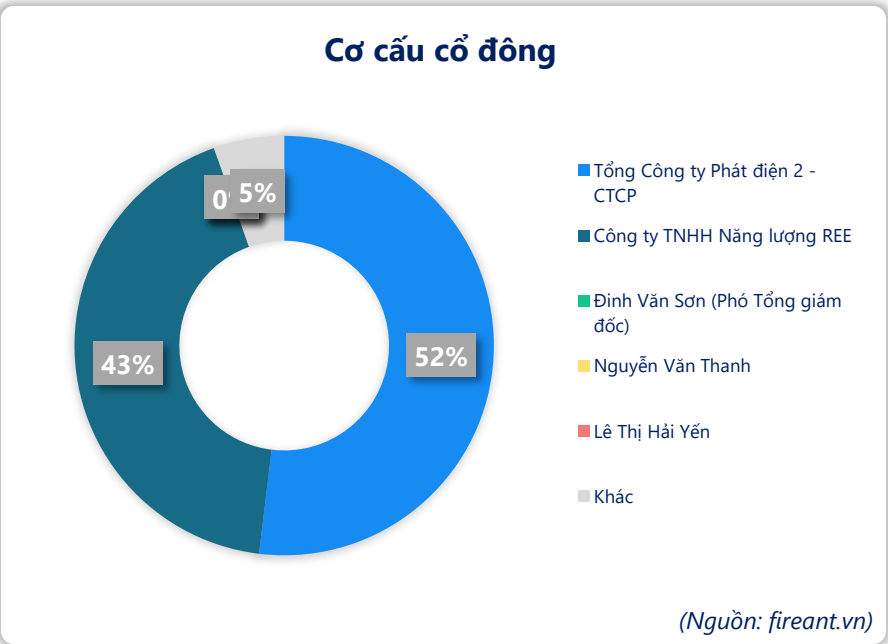
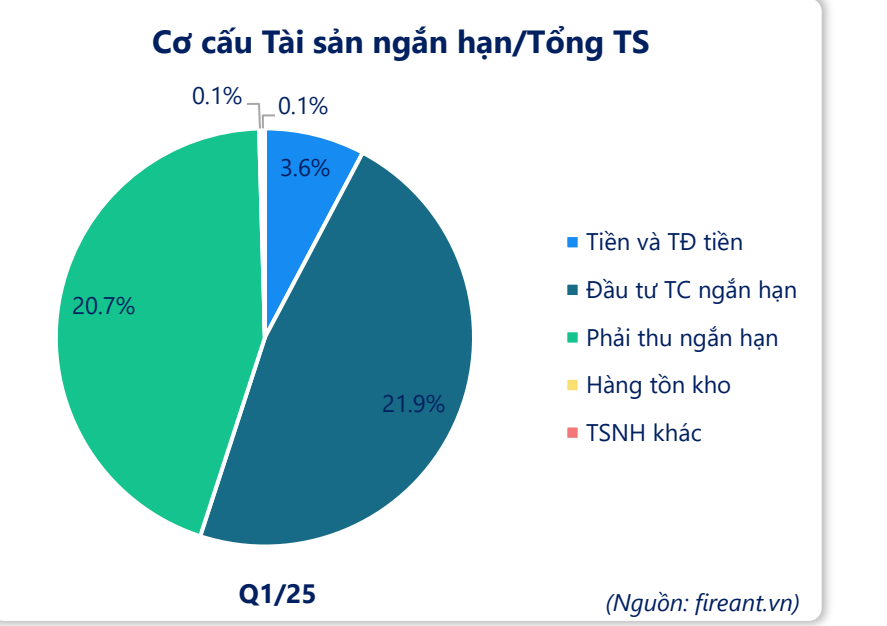
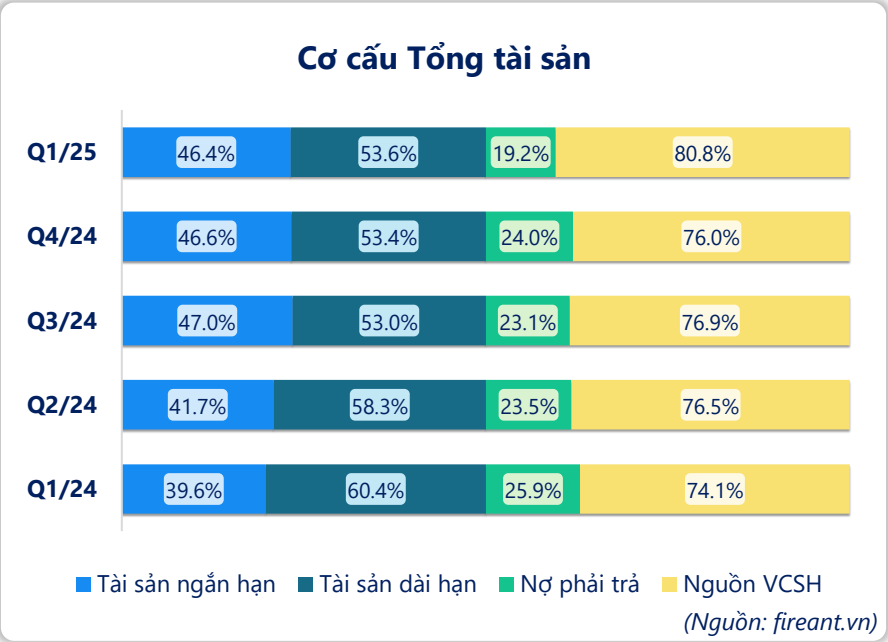
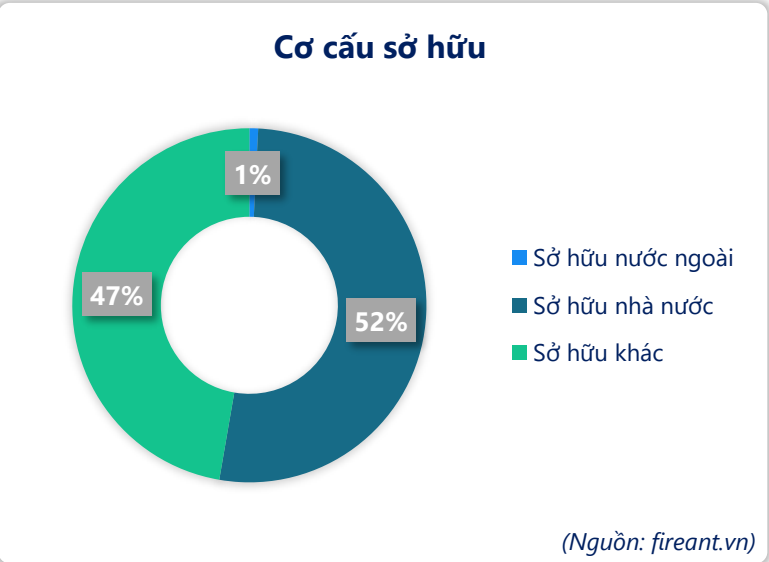
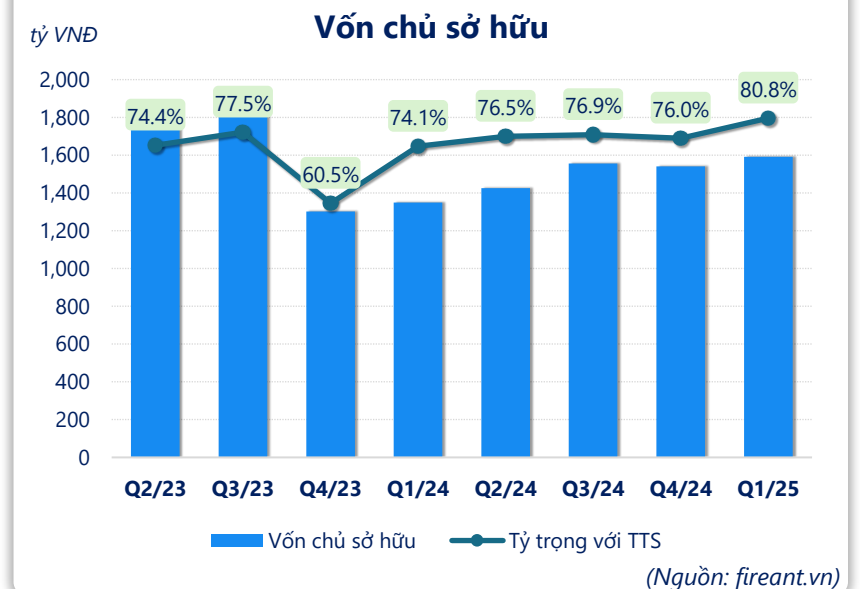
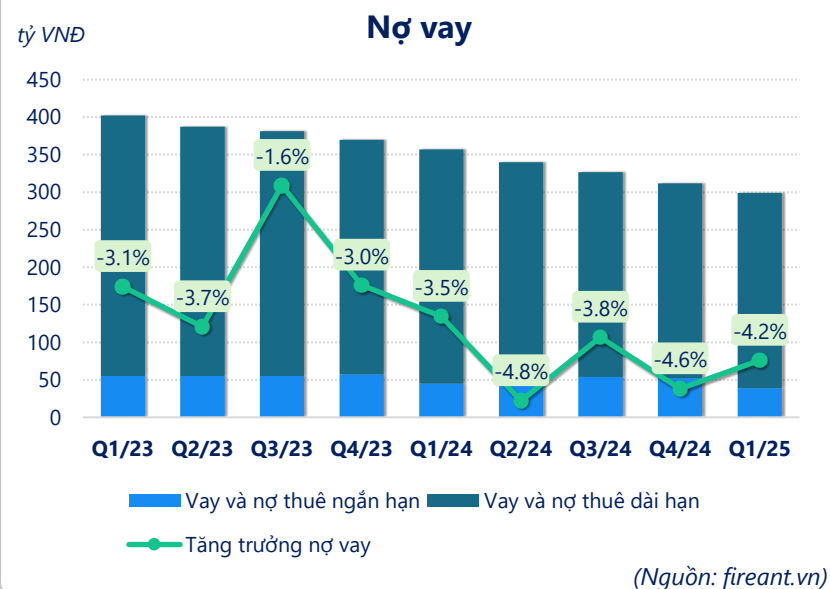
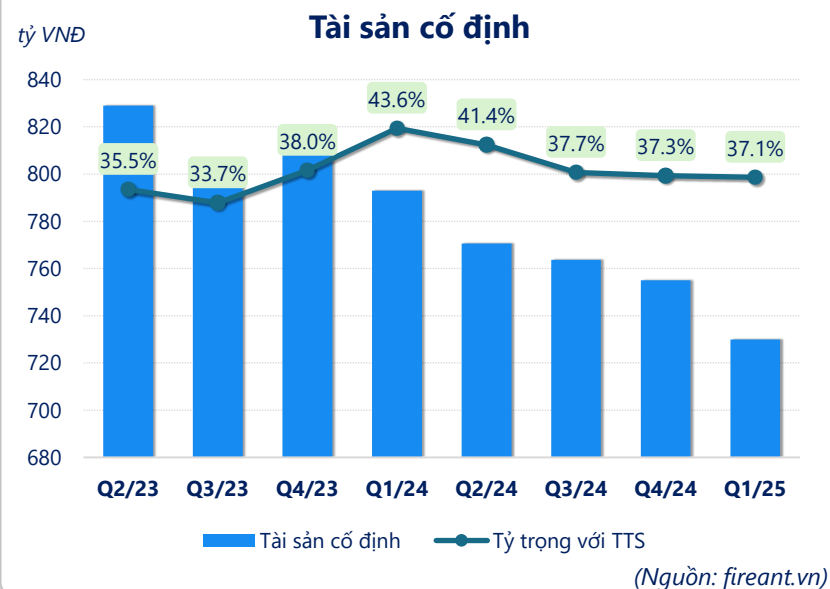
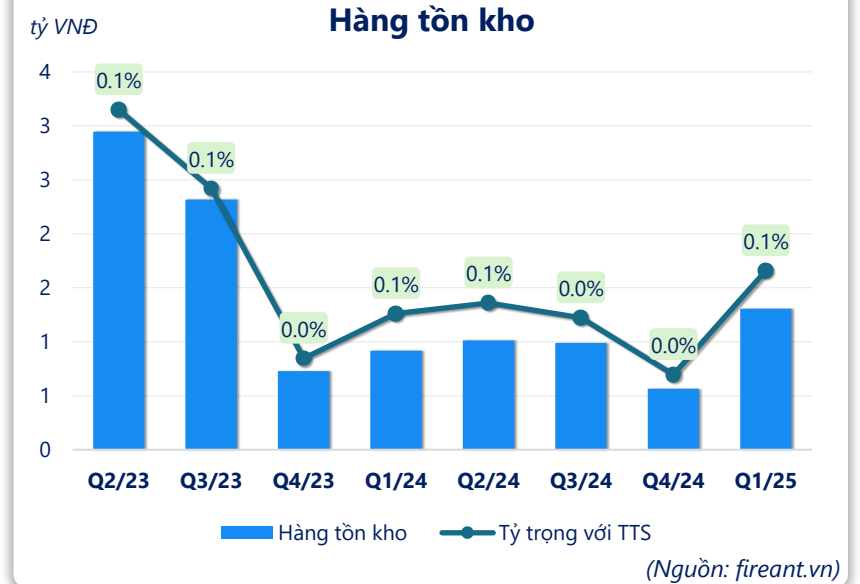
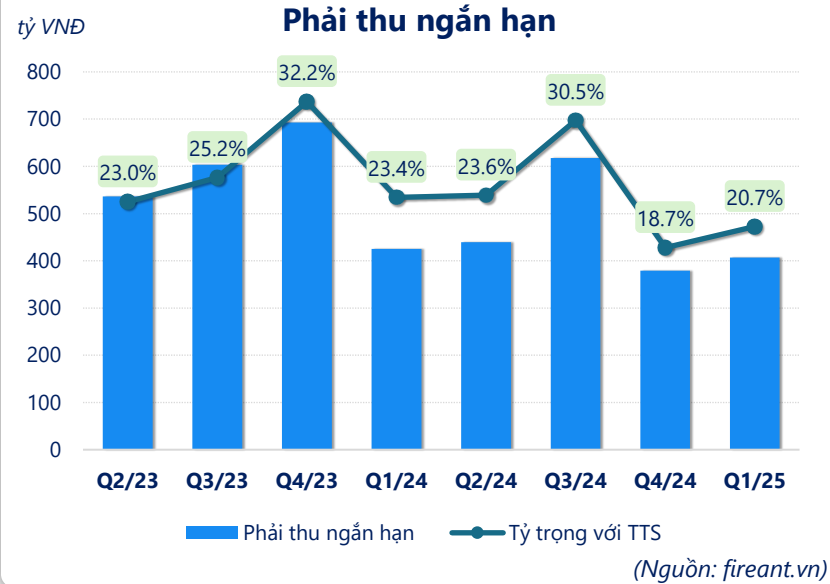
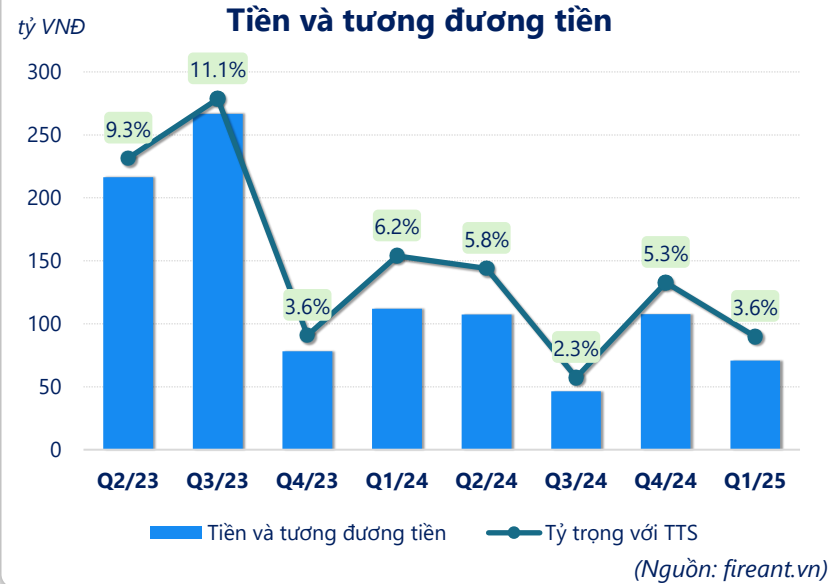
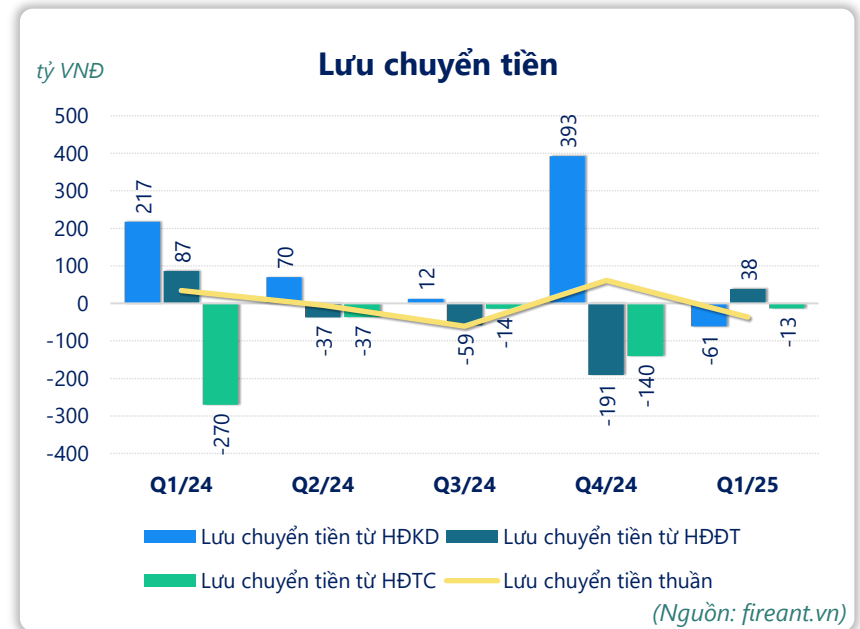
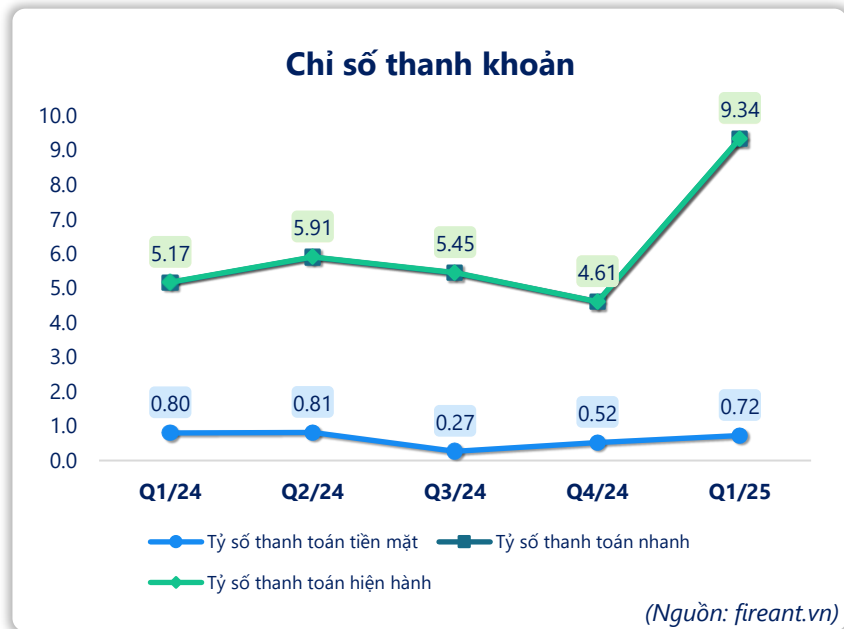
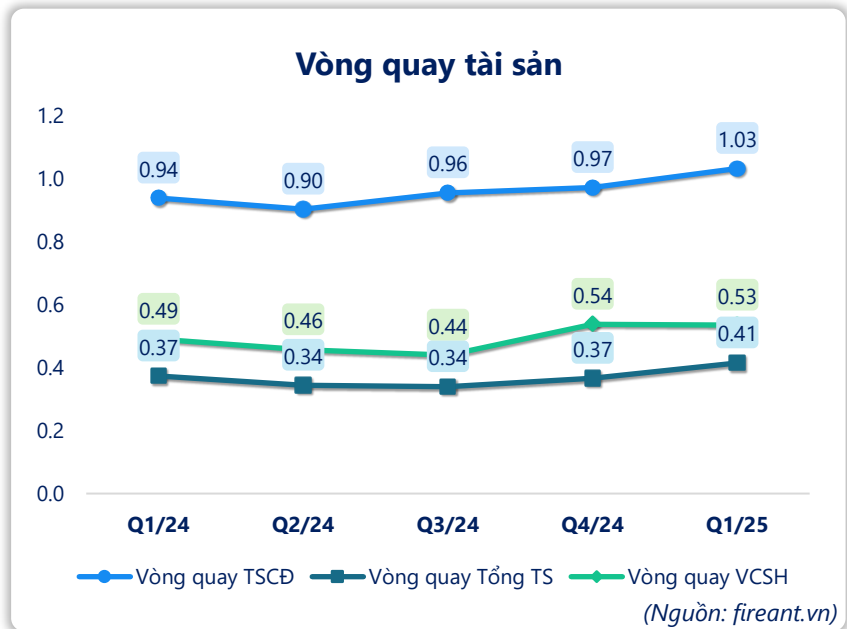
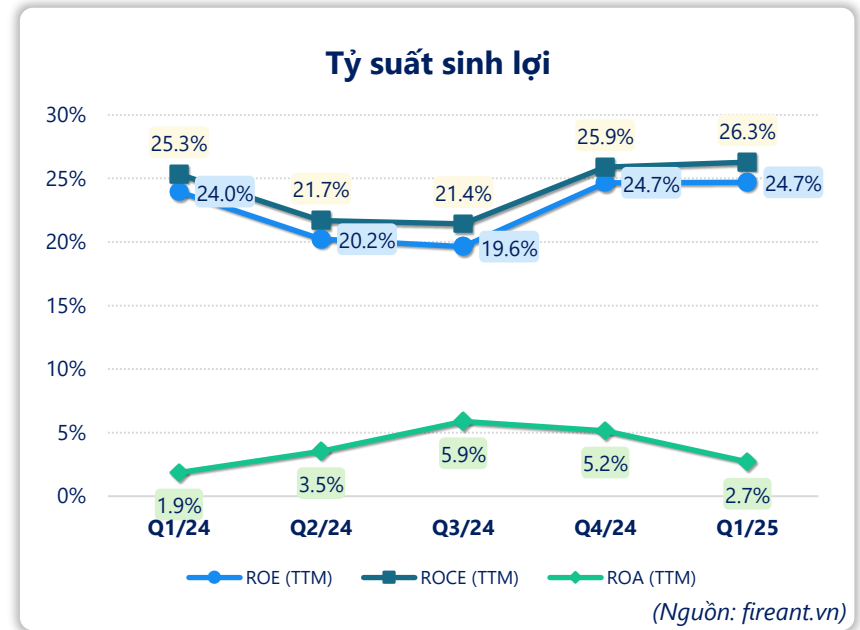
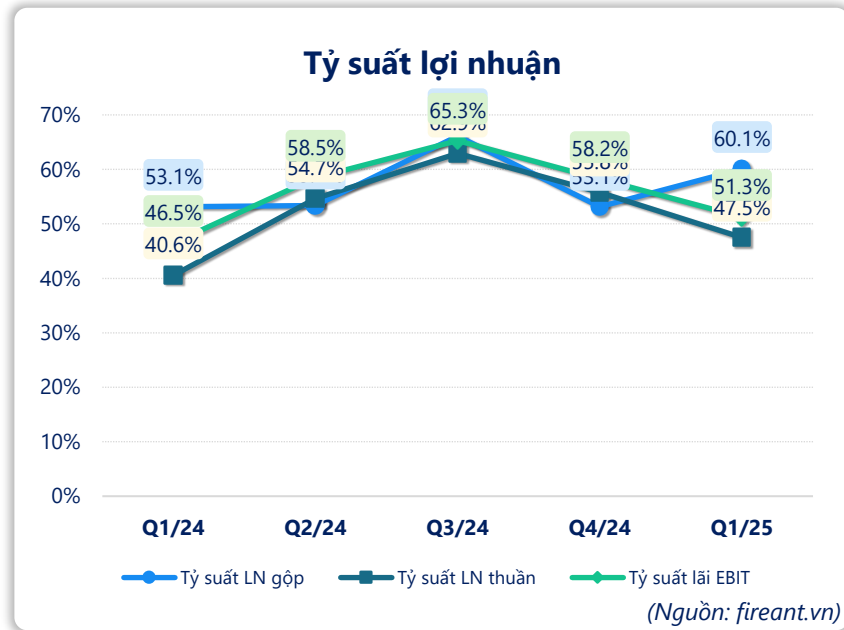
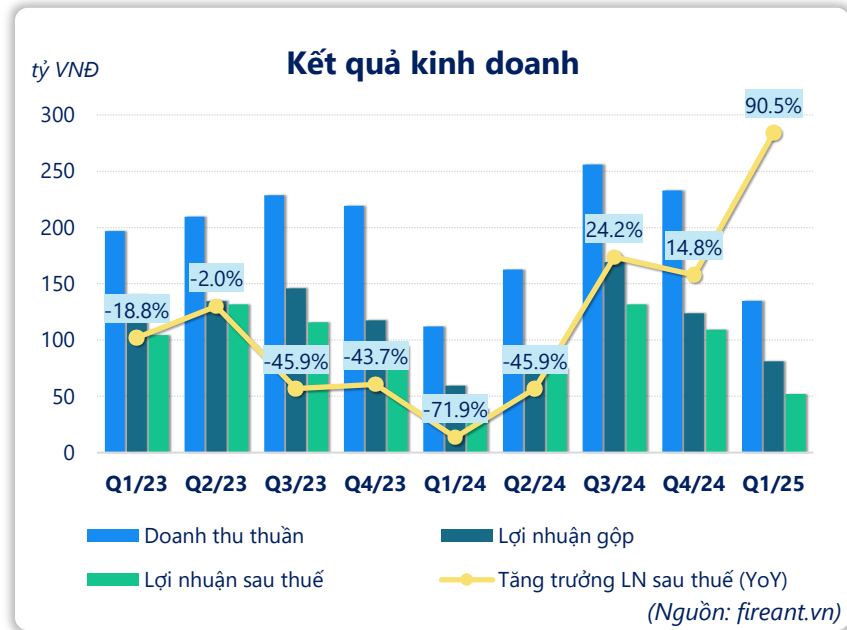


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		66,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		72,188
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		63,506
SL cổ phiếu LH		70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,300
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,648
P/E		12.8
EPS		5,188

	YTD	1T	3T	6T
TMP	-4.6%	-0.9%	-4.7%	2.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,970	2,025	-2.7%
Tài sản ngắn hạn	914	944	-3.2%
Tiền và tương đương tiền	70.8	108	-34.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	432	455	-5.1%
Phải thu ngắn hạn	407	379	7.4%
Hàng tồn kho	1.31	0.56	132%
Tài sản ngắn hạn khác	2.78	1.68	65.1%
Tài sản dài hạn	1,056	1,081	-2.4%
Phải thu dài hạn	0.90	0.90	0.0%
Tài sản cố định	730	755	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.63	1.63	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	311	311	0.0%
Tài sản dài hạn khác	12.6	13.0	-3.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	378	485	-22.1%
Nợ ngắn hạn	97.8	205	-52.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	38.9	51.9	-25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.5	34.9	-55.6%
Nợ dài hạn	280	280	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	260	260	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,592	1,540	3.4%
Vốn chủ sở hữu	1,592	1,540	3.4%
Vốn điều lệ	700	700	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	112	163	256	233	135
Giá vốn hàng bán	52.5	75.8	86.7	109	53.7
Lợi nhuận gộp	59.6	86.8	169	124	80.9
Doanh thu HĐTC	4.70	4.94	7.01	21.3	0.62
Chi phí TC	6.68	6.19	6.00	5.69	5.13
Chi phí lãi vay	6.68	6.19	6.00	5.69	5.13
LN trong công ty LKLD	0	17.3	2.03	10.3	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.1	14.0	11.2	19.8	12.5
LN thuần từ HĐKD	45.4	88.9	161	130	63.9
Lợi nhuận khác	0	0	0	0.05	0
LN trước thuế	45.4	88.9	161	130	63.9
Lợi nhuận sau thuế	39.2	74.9	132	109	52.1
LNST của CĐ cty mẹ	38.3	74.3	130	108	51.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	217	69.6	12.3	393	-61.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	86.6	-37.4	-58.9	-191	38.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-270	-37.0	-14.2	-140	-13.5
Tiền đầu kỳ	78.1	112	107	46.4	108
Lưu chuyển tiền thuần	33.9	-4.74	-60.8	61.1	-36.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	112	107	46.4	108	70.8

(Nguồn: fireant.vn)